

Bản án số 51/2022/HS-PT
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường, ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2022/TLPT-HS ngày 17/01/2022 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1165/2022/QĐXXPT-HS ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng,

Đối với các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Thanh B** (tên gọi khác: Cu B), sinh ngày 02/6/1991 tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: Cao đẳng; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Thanh T và bà Phạm Thị Hồng U; vợ, con: chưa có; Anh chị em ruột có 04 người, B là con thứ ba trong gia đình; có 01 tiền án: Ngày 08/12/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Trần Đức T** (tên gọi khác: B), sinh ngày 28/9/1995 tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Trần Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: chưa có; anh chị em ruột: có 02 người, T là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Hoàng Trọng N** (tên gọi khác: M), sinh ngày 07/12/1992 tại tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Cao đẳng; con ông: Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh X; vợ, con: chưa có; anh chị em ruột: có 02

người, N là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Phạm Ngọc T, nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.

Người bào chữa:

Bào chữa cho bị cáo Hoàng Trọng N là Luật sư Dương Thị Thúy H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 20 giờ 40 phút, ngày 01/6/2021 tại xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Bình phối hợp các Lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang Phạm Ngọc T đang có hành vi tàng trữ 05 viên nén màu nâu không rõ hình dạng tại hộp chứa đồ ở giữa ghế lái và ghế phụ của xe ô tô hãng Sun taxi BKS 73A-066.79 do T điều khiển. Phạm Ngọc T khai nhận số viên nén trên là ma túy dạng thuốc lắc nhận từ Hoàng Trọng N và đang mang đi giao cho người khác theo sự chỉ đạo của đối tượng Nguyễn Thanh B. Lúc 21 giờ 30 phút ngày 01/6/2021 tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Bình phối hợp với Công an phường H, bắt quả tang Hoàng Trọng N đang có hành vi tàng trữ 05 viên nén màu nâu không rõ hình dạng ở người. N khai nhận đó là ma túy thuốc lắc đang đợi để giao cho người khác mang đi bán thì bị bắt, số ma túy này N lấy từ đối tượng Trần Đức T theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thanh B. Lúc 21 giờ 40 phút ngày 01/6/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Quảng Bình phối hợp với Công an phường H tiến hành kiểm tra phòng trọ của Trần Đức T tại phường H, thành phố Đ. Quá trình kiểm tra, T đã tự giác giao nộp 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa 36 viên nén màu nâu không rõ hình dạng, T khai nhận là ma túy thuốc lắc. Lúc 00 giờ 05 phút ngày 02/6/2021 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Đức T tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình phát hiện thu giữ 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng, 01 viên nén màu nâu không rõ hình dạng. T khai nhận chất tinh thể rắn màu trắng là ma túy loại Ketamine, còn 01 viên nén màu nâu là ma túy loại thuốc lắc.

Lúc 00 giờ 30 ngày 02/6/2021 thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Trọng N tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, kết quả thu giữ 20 túi nilon trong suốt và 01 túi nilon màu đen bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng đục, 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa 04 viên nén hình vuông màu xanh, 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa chất bột màu vàng, 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa 10 viên nén màu vàng nâu không rõ hình dạng, 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa 05 viên nén hình bầu dục màu tím than. N khai nhận toàn bộ số viên nén là ma túy loại thuốc lắc, chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine và toàn bộ ma túy là của Nguyễn Thanh B chỉ đạo N cất dấu để bán cho người khác.

Ngày 14/8/2021, Nguyễn Thanh B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định số 759/GD-PC09 ngày 08/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận về số ma túy thu giữ của Phạm Ngọc T như sau: Mẫu ký hiệu A gồm 05 (năm) viên nén màu nâu không rõ hình dạng là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 2,222 gam.

Tại Bản kết luận giám định số 760/GD-PC09 ngày 08/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận về số ma túy thu giữ của Trần Đức T như sau: Mẫu ký hiệu A1 gồm 36 (ba mươi sáu) viên nén màu nâu không rõ hình dạng là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 15,818 gam; Mẫu ký hiệu A2A gồm 01 (một) viên nén màu vàng không rõ hình dạng là chất ma túy loại MDMA, khối lượng 0,461 gam; Mẫu ký hiệu A2B gồm chất tinh thể màu trắng chứa trong 01 (một) túi nilon trong suốt là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 40,661 gam.

Tại Bản kết luận giám định số 761/GD-PC09 ngày 08/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận về số ma túy thu giữ của Hoàng Trọng N như sau: Mẫu ký hiệu A1 gồm 05 (năm) viên nén màu nâu không rõ hình dạng là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 2,232 gam; Mẫu ký hiệu A2 gồm chất tinh thể màu trắng chứa trong 10 (mười) túi nilon trong suốt là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 6,657 gam; Mẫu ký hiệu A3 gồm chất tinh thể màu trắng chứa trong 10 (mười) túi nilon trong suốt và 01 (một) túi nilon màu đen là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 110,686 gam; Mẫu ký hiệu A4A gồm 10 (mười) viên nén màu vàng nâu không rõ hình dạng là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 4,425 gam; Mẫu ký hiệu A4B gồm 04 (bốn) viên nén hình vuông màu xanh là chất ma túy, loại Amphetamine, khối lượng 1,823 gam; Mẫu ký hiệu A4C gồm 05 (năm) viên nén hình bầu dục màu tím than là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 2,046 gam; Mẫu ký hiệu A4D gồm: chất màu vàng chứa trong 01 (một) túi nilon trong suốt là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,185 gam.

Quá trình điều tra các bị can khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Thanh B, Hoàng Trọng N, Phạm Ngọc T: Trong tháng 5 năm 2021, Nguyễn Thanh B đã 02 lần đặt mua của người đàn ông có tên T ở tỉnh Quảng Trị (B không biết rõ nơi cư trú của T) số ma túy cụ thể gồm 600 viên ma túy thuốc lắc và khoảng 200 gam ketamine với giá 185.000.000 đồng. T gửi ma túy theo xe khách về Quảng Bình, B chỉ đạo Hoàng Trọng N ra khu vực ngã năm giao giữa đường L và đường L, thành phố Đ đón xe khách để nhận ma túy. Sau khi nhận được ma túy, N đưa về phòng trọ tại phường H, thành phố Đ. Tuy nhiên, vì 600 viên thuốc lắc kém chất lượng nên B đã chỉ đạo N gửi trả lại cho T. Còn khoảng 200 gam ma túy loại Ketamine, B đã chỉ đạo N chia 50 gam bán cho Trần Đức T ở ngõ 99 đường L, phường H, thành phố Đ, số còn lại N cất giữ tại phòng trọ của mình. Ngoài ra Hoàng Trọng N đã tự khai nhận về việc trước đó trong khoảng thời gian từ ngày 31/5/2021 đến ngày 01/6/2021 N đã nhiều lần bán ma túy theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thanh B (các lần này B đều thừa nhận sau khi về đầu thú), cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 31/5/2021, B được một người đàn ông gọi điện mua 05 năm viên thuốc lắc với giá 2.000.000 đồng và hẹn giao tại xã N, huyện B. Sau đó, B liên lạc cho N chỉ đạo N gói 05 viên thuốc lắc và gọi điện

cho Phạm Ngọc T đến chỗ ở của N lấy đi bán và nhận 2.000.000 đồng, số tiền này B trả cho T tiền công bán ma túy và tiền đi taxi nhiều lần trước đó.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ 30 ngày 31/5/2021, B liên lạc chỉ đạo N bán 04 viên thuốc lắc và 04 gam Ketamine cho một người đàn ông tại đầu ngõ 136 đường L, phường H, thành phố Đ với giá 5.250.000đ.

Lần thứ ba: Khoảng 22 giờ 30 ngày 31/5/2021, B liên lạc chỉ đạo N bán 06 viên thuốc lắc và 04 gam Ketamine cho một người đàn ông tại khu vực gần khách sạn Vĩnh Hoàng, trên đường T, phường H, thành phố Đ với giá 6.100.000 đồng.

Lần thứ bốn: Khoảng 01 giờ ngày 01/6/2021, B chỉ đạo N gói 04 gam Ketamine và liên lạc cho Phạm Ngọc T đến lấy ma túy ở chỗ N và đi bán cho một người đàn ông ở thị trấn Hoàn Lão, huyện B với giá là 4.000.000đ.

Lần thứ năm: Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 01/6/2021, B chỉ đạo N bán 05 viên thuốc lắc và 04 gam Ketamine cho một người đàn ông tại khu vực gần Đồn Biên phòng Nhật Lệ, trên đường T, phường H, thành phố Đ, với giá 5.750.000 đồng.

Lần thứ sáu: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01/6/2021, B chỉ đạo N qua phòng trọ của Trần Đức T lấy 05 viên thuốc lắc để bán cho khách. Sau khi lấy được ma túy, N gọi điện thoại cho Phạm Ngọc T, hẹn gặp nhau tại đường L, phường H để đưa ma túy. Nhận được ma túy, T lái xe taxi ra xã N để giao cho khách nhưng chưa kịp giao thì bị pháp hiện bắt quả tang.

Lần thứ bảy: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/6/2021, B chỉ đạo N qua phòng trọ của T lấy 15 viên thuốc lắc để bán cho khách. N đến phòng trọ của T lấy 15 viên thuốc lắc đưa về phòng trọ của N cất giấu 10 viên, còn lại 05 viên N gói lại đem ra trước ngõ 136 đường L đợi bán thì bị phát hiện bắt quả tang.

Từ lần bán ma túy thứ hai đến lần thứ năm, tiền bán ma túy khách còn nợ của Nguyễn Thanh B chưa trả. Mỗi lần mua bán ma túy xong thì B trả cho N từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và T từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng tiền công. Nguồn ma túy để bán B khai nhận mua từ người tên T ở tỉnh Quảng Trị.

Về số ma túy thu giữ trong quá trình khám xét tại phòng trọ của Hoàng Trọng N, quá trình điều tra B và N khai nhận có được là do trước đó B đã mua và chỉ đạo N cất giấu để bán cho người khác nhưng vì chất lượng kém nên không bán được. Đối với Trần Đức T: Sau khi mua được ma túy Ketamine do Hoàng Trọng N đưa đến, T đã cất giấu trong phòng trọ của mình nhằm mục đích bán cho người khác. Ngoài ra trước đó, khoảng đầu tháng 5 năm 2021, T đã liên hệ với tài khoản Facebook “Dra Nguyễn” và mua 56 viên thuốc lắc với giá 7.500.000 đồng nhằm mục đích bán cho người khác (Tài khoản Facebook này T không biết ai là chủ tài khoản), đến ngày 01/6/2021, T đã 02 lần cho Nguyễn Thanh B mượn tổng cộng 20 viên thuốc lắc. Số ma túy còn lại T cất giấu mục đích để bán cho người khác thì bị phát hiện thu giữ.

* Như vậy, Nguyễn Thanh B và Hoàng Trọng N đã 08 lần bán trái phép cho người khác với tổng khối lượng 66 gam Ketamine và 4,454 gam MDMA (có trong 10 viên thuốc lắc, còn 20 viên không phải ma túy). Ngoài ra, B và N còn có hành vi cất giấu với mục đích bán cho người khác 15 viên thuốc lắc và 01 gói được giám định là ma túy loại MDMA có khối lượng 6,656 gam; 21 gói ma túy loại Ketamine

có khối lượng 117,343 gam và 04 viên ma túy loại Amphetamine có khối lượng 1,823 gam.

Do B và N mua bán nhiều loại ma túy khác nhau nên căn cứ khoản 4, Điều 5, Chương II Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về cách tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, xác định tổng khối lượng các chất ma túy mà B và N đã mua bán như sau: (i). 183,343 gam Ketamin thuộc tình tiết định khung tại điểm e, khoản 3, Điều 251 Bộ luật Hình sự, có tỷ lệ phần trăm so với khối lượng Ketamine tối thiểu quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự (tức 300 gam) sẽ là: $183,343 : 300 \times 100\% = 61,11\%$; (ii). 11,11 gam MDMA (gồm 05 viên bắt quả tang từ T có khối lượng 2,222 gam; 05 viên bắt quả tang từ N có khối lượng 2,232 gam; 10 viên màu vàng nâu khối lượng 4,425 gam, 05 viên hình bầu dục màu tím than khối lượng 2,046 gam, chất màu vàng chứa trong túi nilon có khối lượng 0,185 gam và 1,823 gam Amphetamine được quy định tại cùng một điểm tại các khoản của Điều 251 Bộ luật Hình sự nên tổng khối lượng được xác định như sau: $11,11 \text{ gam} + 1,823 \text{ gam} = 12,933 \text{ gam}$ có tỷ lệ phần trăm so với khối lượng MDMA, Amphetamine ở mức tối thiểu quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự (tức 100 gam) sẽ là: $12,933 : 100 \times 100\% = 12,93\%$; (iii). Tổng tỷ lệ phần trăm của các chất trên là $61,11\% + 12,93\% = 74,04\%$ thuộc trường hợp dưới 100% nên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP của Chính phủ thì hành vi của Nguyễn Thanh B và Hoàng Trọng N phạm vào tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

* Trần Đức T có hành vi cất giấu tổng cộng 37 viên thuốc lắc là ma túy loại MDMA có tổng khối lượng 16,279 gam và 01 gói Ketamin khối lượng 50 gam mục đích để bán và cho Nguyễn Thanh B mượn 20 viên thuốc lắc là ma túy loại MDMA có tổng khối lượng 8,879 gam.

Do Trần Đức T có hành vi mua bán nhiều chất ma túy khác nhau nên căn cứ Khoản 3 Điều 5 Chương II Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, xác định tổng khối lượng các chất ma túy mà T mua bán như sau: (i). $16,279 \text{ gam} + 8,879 \text{ gam} = 25,158 \text{ gam}$ MDMA thuộc tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự có tỷ lệ phần trăm so với khối lượng MDMA ở mức tối thiểu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự (tức 30 gam) sẽ là: $25,158 : 30 \times 100\% = 83,86\%$; (ii). 50 gam Ketamin thuộc tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm n, khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự có tỷ lệ phần trăm so với khối lượng Ketamine ở mức tối thiểu quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự (tức 100 gam) sẽ là: $50 : 100 \times 100\% = 50\%$; (iii). Tổng tỷ lệ phần trăm của các chất ma túy trên là $83,86\% + 50\% = 133,86\%$ thuộc trường hợp trên 100% so với khối lượng định khung của khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 19/2018/ND-CP thì tổng khối lượng các chất ma túy của Trần Đức T được tính tiếp như sau: (i). 25,158 gam MDMA thuộc tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự có tỷ lệ phần trăm so với khối lượng MDMA ở mức tối thiểu

quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự (tức 100 gam) sẽ là: $25,158 : 100 \times 100\% = 25,158\%$; (ii). 50 gam Ketamin thuộc tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự có tỷ lệ phần trăm so với khối lượng Ketamine ở mức tối thiểu quy định tại điểm e khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự (tức 300 gam) sẽ là: $50 : 300 \times 100\% = 16,67\%$; (iii). Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP thì tổng tỷ lệ phần trăm của các chất trên là $25,158\% + 16,67\% = 41,828\%$ thuộc trường hợp dưới 100% nên hành vi của Trần Đức T phạm vào tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 08/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh B, Trần Đức T, Trần Trọng N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù với hình phạt 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, buộc bị cáo Nguyễn Thanh B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (Mười tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 21/5/2020 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ có hiệu lực pháp luật, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/8/2021.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; các điểm s, t, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Trọng N 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/6/2021.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; các điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức T 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/6/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên bố quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 10/12/2021, bị cáo Nguyễn Thanh B kháng cáo cho rằng mức hình phạt 15 năm 8 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 10/12/2021, bị cáo Hoàng Trọng N kháng cáo cho rằng mức hình phạt 13 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về nuôi dưỡng mẹ già yếu.

- Ngày 20/12/2021 bị cáo Trần Đức T kháng cáo cho rằng mức hình phạt 13 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thanh B rút kháng cáo.
- Bị cáo Hoàng Trọng N và bị cáo Trần Đức T giữ nguyên kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thanh B tự nguyện rút kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo B, quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo B có hiệu lực pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Trọng N và bị cáo Trần Đức T thì xét hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 2 bị cáo là không nặng nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tội danh, khung hình phạt:

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/5/2021 đến ngày 01/6/2021, Nguyễn Thanh B và Hoàng Trọng N đã 08 lần bán trái phép chất ma túy cho người khác với tổng khối lượng 66 gam Ketmine và 30 viên thuốc lắc có khối lượng 4,454 gam loại MDMA. Ngoài ra, Nguyễn Thanh B và Hoàng Trọng N còn có hành vi cất giấu với mục đích bán cho người khác 15 viên và 01 gói là ma túy loại MDMA có khối lượng 6,656 gam; 21 gói ma túy loại Ketamine có khối lượng 117, 343 gam; 04 viên ma túy loại Amphetamine có khối lượng 1,823 gam. Do B và N mua bán nhiều loại ma túy khác nhau nên Cáo Trạng và Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 5, Chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (*về cách tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015*) tính quy đổi 183,343 gam Ketamin tương đương tỷ lệ 61,11% theo định lượng của điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự, tính quy đổi 11,11 gam MDMA và 1,823 gam Amphetamine tương đương tỷ lệ 12,93% theo định lượng của điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự; do đó, tổng tỷ lệ phần trăm quy đổi là **74,04%** (61,11% + 12,93%) theo định lượng định khung tại điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự nên xác định B và N phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng khung hình phạt, đúng pháp luật.

Trần Đức T có hành vi mua và tàng trữ 50 viên ma túy loại MDMA có khối lượng 25,158 gam và 01 gói ma túy loại Ketamin khối lượng 50 gam với mục đích bán cho người khác nên Cáo Trạng và Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 5, Chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (*về cách tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015*) tính quy đổi 25,158 gam MDMA tương đương tỷ lệ 25,158% theo định lượng của điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự, tính quy đổi 50 gam

Ketamin tương đương tỷ lệ 16,67% theo định lượng của điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự; do đó, tổng tỷ lệ phần trăm quy đổi là **41,828%** (25,158% + 16,67%) theo định lượng định khung tại điểm e, khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự nên xác định T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng khung hình phạt, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm Nguyễn Thanh B, Hoàng Trọng N và Trần Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thanh B tự nguyện rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh B, quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với bị cáo Nguyễn Thanh B có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Trọng N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo N phạm tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng khung hình phạt, đúng pháp luật. Về vấn đề quyết định hình phạt đối với bị cáo N thì Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: căn cứ khoản 4 Điều 5 Chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (*về cách tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015*) để tính toán quy đổi thì tổng tỷ lệ phần trăm các chất ma túy mà N đem đi bán là **74,04%** so với khối lượng định khung khởi điểm của khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; trong khi khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự có mức hình phạt khởi điểm là 20 năm tù nên nếu chưa xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì hình phạt tương ứng N phải chịu là 14 năm tù. Xét, bị cáo N có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể như ngay sau khi bị bắt giữ đã chủ động, tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra để truy bắt đồng phạm và còn khai nhận những lần phạm tội trước đó khi Cơ quan điều tra chưa phát hiện; thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; tích cực phối hợp với cơ quan Điều tra trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án; có cha được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Huy chương chiến sỹ giải phóng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; mặt khác, bị cáo Nguyễn Thanh B mới là người chủ mưu, bỏ tiền, liên hệ việc mua bán còn N chỉ là người đi giao (bán) ma túy theo chỉ đạo của B và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo N từ 10 năm 06 tháng tù đến 11 năm tù; vì các lý do trên mà việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt N 13 năm tù là có phần nghiêm khắc và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo N trình bày cha bị cáo mới chết mà bị cáo không được về viếng cha nên rất ân hận về việc mình đã làm tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cần giảm cho bị cáo N một phần hình phạt.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Đức T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng khung hình phạt, đúng pháp luật. Về vấn đề quyết định hình phạt đối với bị

cáo T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ Điều 5 Chương II Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ (*về cách tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015*) để tính toán quy đổi thì tổng tỷ lệ phần trăm các chất ma túy mà T tàng trữ với mục đích bán cho người khác tương đương tỷ lệ **41,828%** so với khối lượng định khung khởi điểm của khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự, trong khi khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự có mức hình phạt khởi điểm là 20 năm tù. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là ngay khi bị bắt đã tự giác giao nộp số ma túy khi Công an kiểm tra chỗ ở; thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo T từ 10 năm 06 tháng tù đến 11 năm tù; do đó mức hình phạt 13 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cần giảm cho bị cáo T một phần hình phạt.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo Nguyễn Thanh B rút kháng cáo, còn kháng cáo của bị cáo N và bị cáo T được chấp nhận nên theo quy định tại các điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thanh B, quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với bị cáo Nguyễn Thanh B có hiệu lực pháp luật; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Trọng N và bị cáo Trần Đức T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với bị cáo Hoàng Trọng N và bị cáo Trần Đức T, cụ thể:

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 15 năm 06 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", tổng hợp với hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo về tội "*Đánh bạc*" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, buộc bị cáo **Nguyễn Thanh B** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù**, nhưng được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 21/5/2020 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2020/HS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ có hiệu lực pháp luật, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 14/8/2021.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; các điểm s, t, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Trọng N 12 (mười hai) năm tù** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 01/6/2021.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; các điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Đức T 12 (mười hai) năm tù** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 01/6/2021.

* Các quyết định khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Căn cứ các điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thanh B, Hoàng Trọng N và Trần Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân